



Long công ty Bảo đảm an toàn
hàng hải miền Nam
office@vms-south.vn
26-08-2020 16:44:18 +07:00

P. KQT
P. TH
P. KT
lul
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 189 /TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 8 năm 2020

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật độ sâu luồng hàng hải Trần Đề



STG - 01 - 2020

Vùng biển: Tỉnh Sóc Trăng.

Tên luồng: Luồng hàng hải Trần Đề.

Căn cứ Bình đồ độ sâu ký hiệu từ TĐ_2008_01 đến TĐ_2008_18, tỷ lệ 1/5000 do đạc hoàn thành tháng 8/2020, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa uỷ quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

1. Trong phạm vi đáy luồng hàng hải thiết kế rộng 130m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ như sau:

a) Đoạn 1: Đoạn cửa Trần Đề (từ phao BHHH số "0" đến phao BHHH số "15"), chiều dài khoảng 25,0km:

- Đoạn luồng từ phao BHHH số "0" đến phao BHHH số "1", chiều dài khoảng 3,0km, độ sâu nhỏ nhất đạt 3,0m trở lên.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số "1" đến hạ lưu phao BHHH số "3" - 170m, chiều dài khoảng 2,4km, độ sâu nhỏ nhất đạt 1,8m trở lên.

- Đoạn luồng từ hạ lưu phao BHHH số "3" - 170m đến phao BHHH số "5", chiều dài khoảng 1,7km, độ sâu nhỏ nhất đạt 0,1m trở lên, độ sâu nhỏ nhất tại tim luồng đạt 0,5m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số "5" đến hạ lưu phao BHHH số "7" - 580m, chiều dài khoảng 2,0km, độ sâu nhỏ nhất đạt 1,1m trở lên.

- Đoạn luồng từ hạ lưu phao BHHH số "7" - 580m đến hạ lưu phao BHHH số "11" - 610m, chiều dài khoảng 6,4km, độ sâu nhỏ nhất đạt 1,3m trở lên, độ sâu nhỏ nhất tại tim luồng đạt 1,8m.

- Đoạn luồng từ hạ lưu phao BHHH số "11" - 610m đến phao BHHH số "13", chiều dài khoảng 4,0km, độ sâu nhỏ nhất đạt 1,8m trở lên.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số "13" đến phao BHHH số "16", chiều dài khoảng 2,6km, độ sâu nhỏ nhất đạt 3,0m trở lên.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số "16" đến phao BHHH số "15", chiều dài khoảng 2,9km, độ sâu nhỏ nhất đạt 4,0m trở lên.

b) Đoạn 2: Đoạn từ phao BHHH số “15” đến phao BHHH số “17” (khu vực thượng lưu bến cảng Biên phòng Trần Đề), có chiều dài khoảng 6,0km, độ sâu nhỏ nhất đạt 5,5m trở lên.

Lưu ý: Các đáy cá di động xuất hiện rải rác trên đoạn luồng trong khu vực từ phao BHHH số “15” đến phao BHHH số “17” (khu vực thượng lưu bến cảng Biên phòng Trần Đề)

2. Trong phạm vi khảo sát đoạn luồng từ phao BHHH số “17” đến đoạn tiếp nối luồng hàng hải Định An – Sông Hậu có chiều dài khoảng 32,4km, độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số “0” Hải đồ như sau:

a) Đoạn luồng từ phao BHHH số “17” đến hạ lưu bến phà Cồn Cát – 660m, chiều dài khoảng 20,5km, bề rộng luồng 130m, tuyến luồng tận dụng độ sâu tự nhiên có tọa độ tìm tuyến xác định theo bảng sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
T6A	09°31'51,7" N	106°12'39,3" E	09°31'48,0" N	106°12'45,7" E
T7	09°34'44,1" N	106°11'17,6" E	09°34'40,4" N	106°11'24,0" E
T8	09°34'50,0" N	106°11'13,1" E	09°34'46,3" N	106°11'19,5" E
T9	09°35'42,0" N	106°10'13,4" E	09°35'38,4" N	106°10'19,9" E
T10	09°37'50,4" N	106°08'30,8" E	09°37'46,7" N	106°08'37,2" E
T11	09°39'58,3" N	106°06'43,0" E	09°39'54,6" N	106°06'49,4" E
T12	09°40'53,1" N	106°06'18,9" E	09°40'49,4" N	106°06'25,3" E

- Độ sâu nhỏ nhất đạt 4,1m trở lên.

b) Đoạn luồng từ hạ lưu bến phà Cồn Cát – 660m đến đoạn tiếp nối luồng hàng hải Định An – Sông Hậu, bề rộng luồng 200m, chiều dài khoảng 11,9km, tuyến luồng tận dụng độ sâu tự nhiên có tọa độ tìm tuyến xác định theo bảng sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
T12	09°40'53,1" N	106°06'18,9" E	09°40'49,4" N	106°06'25,3" E
T13	09°42'16,3" N	106°05'42,1" E	09°42'13,1" N	106°05'48,5" E
T14	09°44'49,9" N	106°04'47,4" E	09°44'46,2" N	106°04'53,9" E
T15P	09°45'35,7" N	106°04'31,1" E	09°45'32,0" N	106°04'37,5" E
T18AP	09°46'59,4" N	106°04'17,7" E	09°46'55,8" N	106°04'24,1" E

- Độ sâu nhỏ nhất đạt 5,1m trở lên.

c) Trong phạm vi vùng quay trở tàu đối diện bến cảng nhà máy nhiệt điện Long Phú, có bán kính quay 375m, độ sâu nhỏ nhất đạt 5,0m trở lên.

Lưu ý: Các đáy cá di động xuất hiện rải rác trên đoạn luồng trong khu vực từ thượng lưu phao BHHH số “17” + 1,5km đến thượng lưu bến đò Nhà Thờ + 1,8km, khu vực thượng lưu bến phà Long Đức + 1,7km và khu vực đối diện rạch Kinh Đào.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Tàu thuyền hành hải trên tuyến luồng hàng hải Trần Đề căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý điểm độ sâu, đáy cá di động nêu trên và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT & QLHT;
- Lưu VT-VP, P. ATHH_{Nâng}.

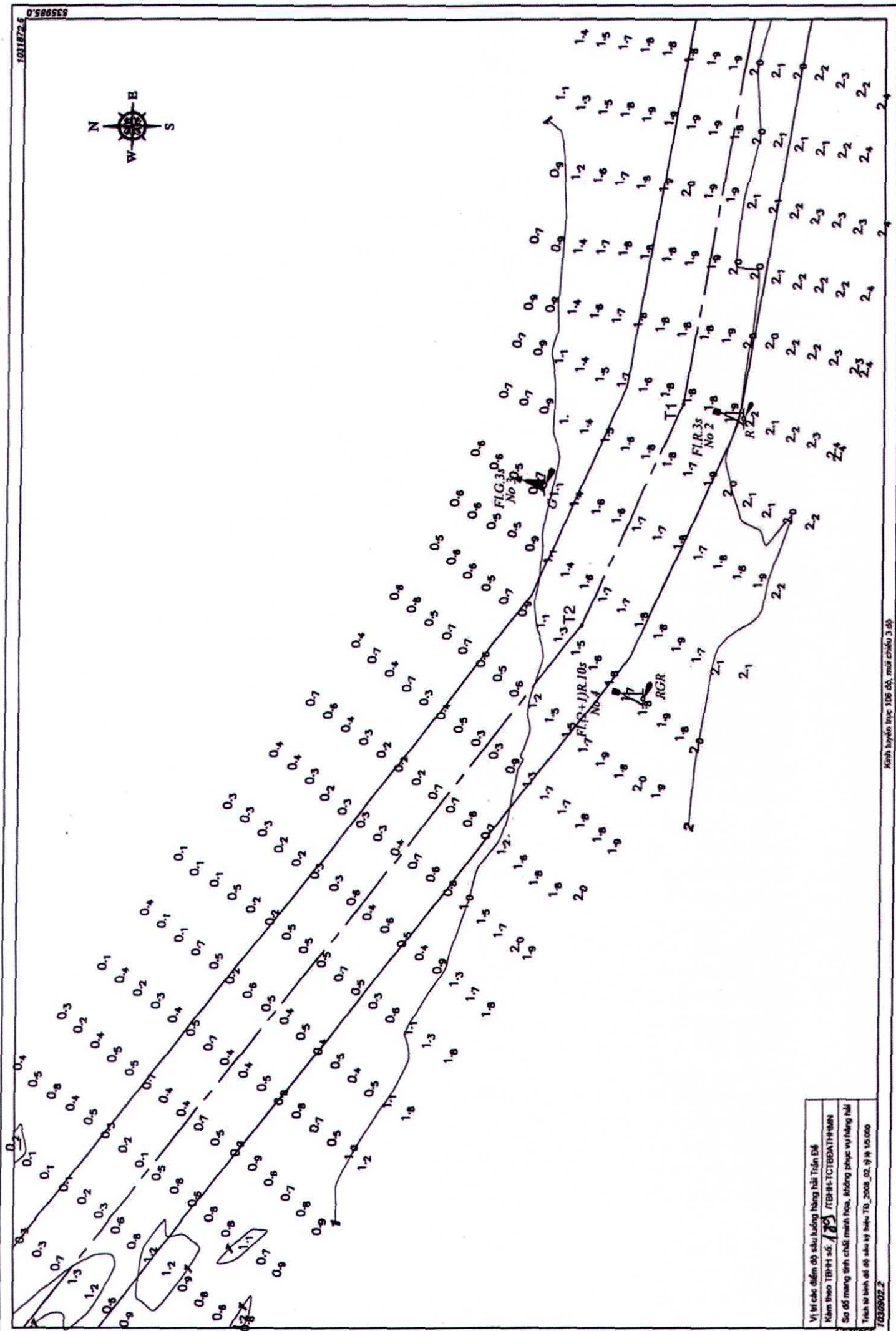
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

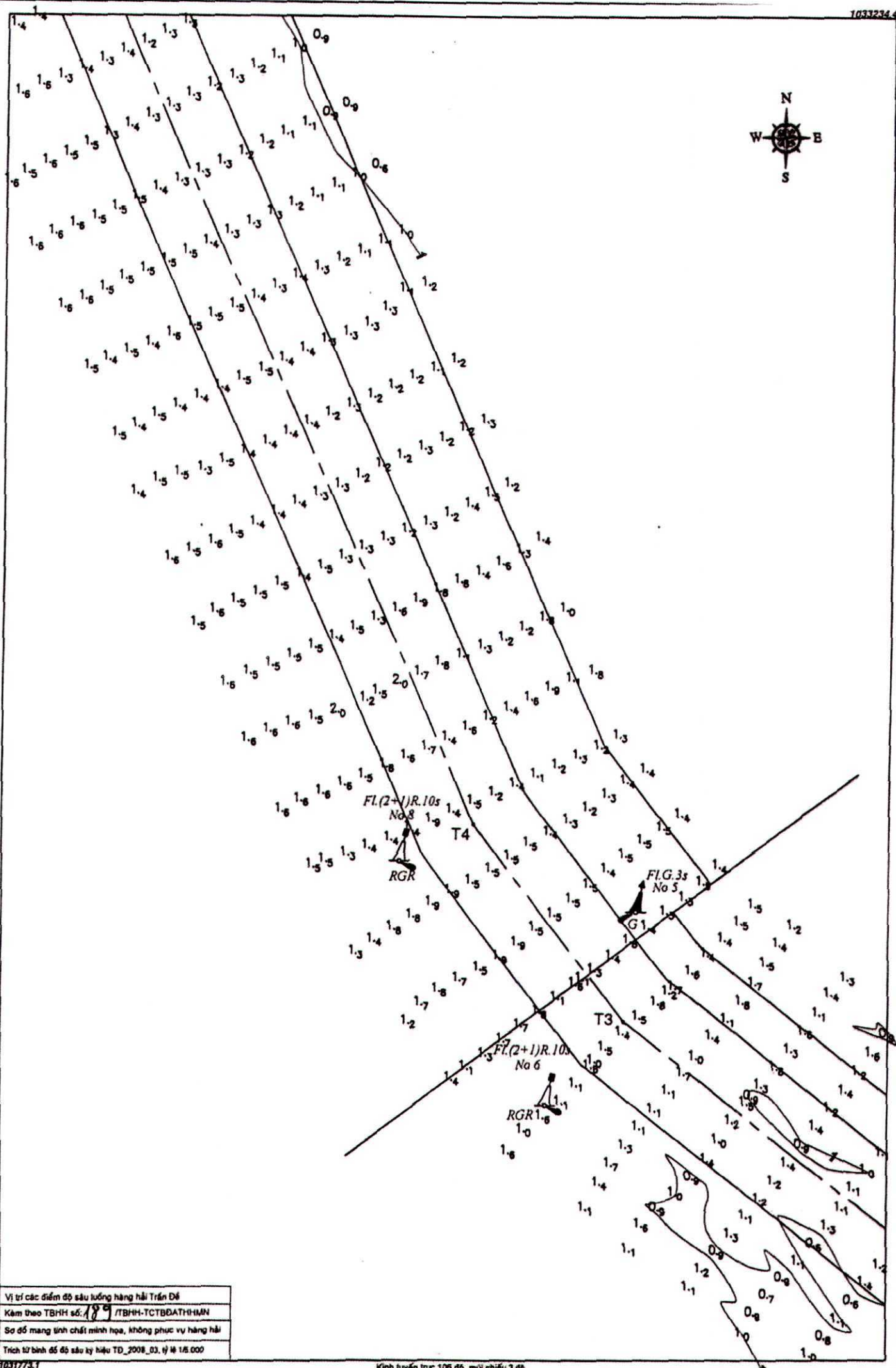
- | | |
|--|--|
| 1 Bộ Tư lệnh Hải quân | 13 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) |
| 2 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam | 14 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart) |
| 3 Cục Cảnh sát biển | 15 Cty Vận tải xăng dầu đường biển |
| 4 Chi Cục đường sông phía Nam | 16 Cty Vận tải Thủy Bắc |
| 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 17 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I |
| 6 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP) | 18 Cty Vận tải biển Sài Gòn |
| - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 19 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM |
| - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP) | 20 Cảng Sài Gòn |
| - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans) | 21 Trường Đại học GTVT TP.HCM |
| - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping) | 22 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ |
| - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam | 23 XN Khảo sát hàng hải miền Nam |
| 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 24 XN Tàu dịch vụ dầu khí |
| 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam | 25 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô |
| - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO) | 26 CN 1 - Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam |
| - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC) | 27 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc Phòng |
| - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC) | 28 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV V |
| - Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE) | 29 Đài thông tin Duyên hải Cần Thơ |
| - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON) | 30 Sở GTVT & Sở NN&PTNN TP Cần Thơ |
| - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang | 31 Sở GTVT & Sở NN&PTNN tỉnh Sóc Trăng |
| 9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn) | 32 Bộ đội biên phòng TP Cần Thơ |
| 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh | 33 Bộ đội Biên phòng tỉnh Sóc Trăng |
| 11 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh | 34 Đài thông tin Duyên hải Sóc Trăng |
| 12 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO) | |



Vị trí các điểm đo sâu hướng hàng hải Trần Đế	
Kiểm theo TĐH-H số:	185 / TĐH-H-TCTĐ-BĐTH-H
Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải	
Trích từ bản đồ số sâu lý hiệu TĐ 2008, tỷ lệ 1:50.000	

1020902.2

Kinh tuyến 105 độ, vĩ tuyến 3 độ



Vị trí các điểm độ sâu tương đương hàng hải Trần Đề
 Kèm theo TBHH số: 189 /TBHH-TCTBĐATH-HMN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích từ bình đồ độ sâu kỹ hiệu TD_2008_03, tỷ lệ 1:5.000
 1031773.1

11 1 5 4 0 0 1 2 2

xã An Thạnh Nam
An Thanh Nam commune



Vị trí các điểm độ sâu luồng hàng hải Trần Đề
Kèm theo TBHH số: 179 /TBHH-TCTBĐATHHVN
Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bình đồ độ sâu kỹ thuật TD_2008_09, tỷ lệ 1:5.000

523714.8

1052901.8

Kính tuyến trục 106 độ, mũi chiếu 3 độ

CTINH
M
AI
UNGTAU